

## CHỦ ĐỀ TIÊU HÓA, TUẦN HOÀN

### A. PHẦN TỰ LUẬN

( Học sinh trả lời các câu hỏi trong tập)

#### I. Chủ đề: Tiêu hóa

Câu 1. Nêu khái niệm: Tiêu hóa ở động vật, tiêu hóa nội bào, tiêu hóa ngoại bào?

Câu 2. Trình bày quá trình tiêu hóa ở động vật: Chưa có cơ quan tiêu hóa, động vật có túi tiêu hóa, động vật có ống tiêu hóa?

Câu 3. Phân biệt tiêu hóa ở thú ăn thực vật, thú ăn thịt ( thức ăn, răng, dạ dày, ruột non, manh tràng)?

Câu 4. Nêu vai trò của manh tràng đối với thú ăn thực vật?

Câu 5. Hãy xác định vị trí vai trò của vi sinh vật cộng sinh sống trong dạ dày 4 ngăn?

Câu 6. Nêu quá trình tiêu hóa thức ăn ở động vật có dạ dày 4 ngăn?

Câu 7. Kể tên các nhóm động vật có túi tiêu hóa, nhóm thú ăn thực vật và thú ăn thịt?

Câu 8. Trình bày ưu điểm tiêu hóa của động vật có túi tiêu hóa so với động vật chưa có cơ quan tiêu hóa; Ưu điểm của tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa so với trong túi tiêu hóa?

#### II. Chủ đề: Tuần hoàn

Câu 1. Nêu cấu tạo và chức năng của hệ tuần hoàn?

Câu 2. Vẽ sơ đồ các dạng hệ tuần hoàn?

Câu 3. Cho các động vật sau: Trai, cua, cá chép, cá hồi, cá heo, chim bồ câu. Hãy sắp xếp các loài động vật phù hợp vào các dạng hệ tuần hoàn sau:

(1) Hệ tuần hoàn hở

(2) Hệ tuần hoàn đơn

(3) Hệ tuần hoàn kép

Câu 4. Mô tả đường đi của máu trong hệ tuần hoàn (bắt đầu từ tim) kín và hở.

Cho biết ưu điểm của hệ tuần hoàn kín so với hệ tuần hoàn hở.

Câu 5. Phân biệt hệ tuần hoàn đơn và hệ tuần hoàn kép.

Câu 6. Hệ dẫn truyền tim bao gồm những thành phần nào?

Câu 7. Trình bày sự hoạt động của hệ dẫn truyền tim?

Câu 8. Nêu khái niệm chu kỳ hoạt động của tim? Mỗi chu kỳ hoạt động của tim gồm những pha nào? Tác dụng của từng pha?

Câu 9. Huyết áp là gì? Tại sao huyết áp giảm dần trong hệ mạch?

Giải thích vì sao ở người huyết áp cao hay bị xuất huyết não có thể dẫn đến tử vong hay bại liệt?

Câu 10. Vận tốc máu là gì? Giải thích sự biến đổi vận tốc máu trong hệ mạch?

## B. PHẦN TRẮC NGHIỆM

### I. Chủ đề: Tiêu hóa

**Câu 1.** Tiêu hóa hóa học trong ống tiêu hóa ở người không diễn ra ở

A. dạ dày. B. ruột non. C. thực quản. D. miệng.

**Câu 2.** Điểm khác nhau giữa quá trình tiêu hóa ở Trùng giày và quá trình tiêu hóa ở Thủy tức:

A. Ở Trùng giày, thức ăn được tiêu hóa ngoại bào thành các chất đơn giản hơn rồi tiếp tục được tiêu hóa nội bào. Ở Thủy tức, thức ăn được tiêu hóa trong túi tiêu hóa thành những chất đơn giản, dễ sử dụng.

B. Ở Trùng giày, thức ăn được tiêu hóa ngoại bào rồi trao đổi qua màng vào cơ thể. Ở Thủy tức, thức ăn được tiêu hóa nội bào thành các chất đơn giản, dễ sử dụng.

C. Ở Trùng giày, thức ăn được tiêu hóa trong không bào tiêu hóa - tiêu hóa nội bào. Ở Thủy tức, thức ăn được tiêu hóa trong túi tiêu hóa thành những phần nhỏ rồi tiếp tục được tiêu hóa nội bào.

D. Ở Trùng giày, thức ăn được tiêu hóa trong túi tiêu hóa thành những phần nhỏ rồi tiếp tục được tiêu hóa nội bào. Ở Thủy tức, thức ăn được tiêu hóa trong không bào tiêu hóa - tiêu hóa nội bào.

**Câu 3.** Quá trình tiêu hóa ở động vật có túi tiêu hóa chủ yếu diễn ra như thế nào?

A. Thức ăn được tiêu hóa ngoại bào nhờ sự co bóp của khoang túi mà chất dinh dưỡng phức tạp thành những chất đơn giản.

B. Thức ăn được tiêu hóa ngoại bào nhờ enzym thủy phân chất dinh dưỡng phức tạp trong khoang túi.

C. Thức ăn được tiêu hóa nội bào nhờ enzym thủy phân chất dinh dưỡng phức tạp thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được.

D. Thức ăn được tiêu hóa ngoại bào (nhờ enzym thủy phân chất dinh dưỡng phức tạp trong khoang túi) và nội bào.

**Câu 4.** Tiêu hóa ở đâu là giai đoạn quan trọng nhất trong quá trình tiêu hóa?

A. Ở ruột B. Ở dạ dày C. Ở răng D. Ở miệng

**Câu 5.** Những ưu điểm của tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa so với trong túi tiêu hóa:

I. Thức ăn đi theo 1 chiều trong ống tiêu hóa không bị trộn lẫn với chất thải (phân) còn thức ăn trong túi tiêu hóa bị trộn lẫn chất thải.

II. Trong ống tiêu hóa dịch tiêu hóa không bị hòa loãng

III. Thức ăn đi theo 1 chiều nên hình thành các bộ phận chuyên hóa, thực hiện các chức năng khác nhau: tiêu hóa cơ học, hóa học, hấp thụ thức ăn

IV. Thức ăn đi qua ống tiêu hóa được biến đổi cơ học, hóa học trở thành những chất dinh dưỡng đơn giản và được hấp thụ vào máu.

A. I, II, IV. B. I, III, IV. C. II, III, IV. D. I, II, III

**Câu 6.** Tiêu hóa hóa học trong ống tiêu hóa ở người diễn ra ở :

A. Miệng, thực quản, dạ dày, ruột non. B. Miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già

C. Miệng, dạ dày, ruột non. D. Chỉ diễn ra ở dạ dày.

**Câu 7.** Các nếp gấp của niêm mạc ruột, trên đó có các lông ruột và các lông cực nhỏ có tác dụng gì?

- A. Tạo thuận lợi cho tiêu hoá cơ học. B. Làm tăng nhu động của ruột.  
C. Tạo thuận lợi cho tiêu hoá hoá học. D. Làm tăng bề mặt hấp thụ của ruột

**Câu 8.** Điều nào sau đây là không đúng khi nói tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa là tiêu hóa ngoại bào.

- A. Quá trình biến đổi thức ăn xảy ra ở ống tiêu hóa và ở cả trong tế bào thì mới tạo đủ năng lượng.  
B. Quá trình biến đổi thức ăn xảy ra ở ống tiêu hóa (không xảy ra bên trong tế bào).  
C. Khi qua ống tiêu hóa thức ăn được biến đổi cơ học và hoá học. D. Thức ăn trong ống tiêu hóa theo 1 chiều.

**Câu 9.** Các bộ phận trong ống tiêu hóa của người diễn ra cả tiêu hóa hoá học và tiêu hóa cơ học là

- A. Miệng, thực quản, dạ dày. B. Dạ dày, ruột non, ruột già  
C. Thực quản, dạ dày, ruột non. D. Miệng, dạ dày, ruột non.

**Câu 10.** Tiêu hóa là

- A. quá trình tạo ra các chất dinh dưỡng từ thức ăn cho cơ thể.  
B. quá trình tạo ra các chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể.  
C. quá trình biến đổi chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được.  
D. quá trình tạo ra các chất dinh dưỡng cho cơ thể.

**Câu 11.** Bộ hàm và độ dài ruột ở động vật ăn tạp có gì khác so với động vật ăn thịt?

- A. Răng nanh, răng trước hàm sắc nhọn hơn và ruột dài hơn.  
B. Răng nanh, răng trước hàm sắc nhọn và ruột ngắn hơn.  
C. Răng nanh, răng trước hàm không sắc nhọn bằng và ruột dài hơn. D. Răng nanh, răng trước hàm không sắc nhọn bằng và ruột ngắn

**Câu 12.** Trong các loại dịch tiêu hóa của cơ thể động vật ăn thịt và động vật ăn tạp, dịch tiêu hóa nào có tác dụng biến đổi thức ăn mạnh nhất?

- A. Dịch tụy B. Dịch ruột C. Nước bọt D. Dịch vị

**Câu 13.** Vai trò của vi sinh vật cộng sinh đối với động vật nhai lại:

- VSV cộng sinh trong dạ cỏ và manh tràng tiết enzym xenlulaza tiêu hoá xenlulozơ; tiêu hoá các chất hữu cơ khác trong tế bào thực vật thành chất hữu cơ đơn giản.
- VSV cộng sinh giúp động vật nhai lại tiêu hoá axit béo và lipit trong dạ múi khế.
- VSV cộng sinh bị tiêu hóa trong dạ múi khế, ruột non, trở thành nguồn cung cấp prôtêin quan trọng cho động vật nhai lại.

- A. 1, 3. B. 2, 3. C. 1, 2. D. 1, 2,

**Câu 14.** Quá trình tiêu hoá thức ăn bằng biến đổi cơ học ở động vật ăn thịt và ăn tạp xảy ra chủ

yếu nhờ

A. bộ răng. B. bộ răng và độ dày của ruột. C. bộ răng và mẽ. D. răng ở khoang miệng và thành cơ ở dạ dày,

**Câu 15.** Trật tự tiêu hóa thức ăn trong dạ dày ở trâu như thế nào?

A. Dạ cỏ → Dạ tổ ong → Dạ lá sách → Dạ múi khế. B. Dạ cỏ → Dạ lá sách → Dạ tổ ong → Dạ múi khế.

C. Dạ cỏ → Dạ múi khế → Dạ lá sách → Dạ tổ ong D. Dạ cỏ → Dạ múi khế → Dạ tổ ong → Dạ lá sách

**Câu 16.** Sự khác nhau cơ bản về quá trình tiêu hóa thức ăn của thú ăn thịt và ăn thực vật là

I. Thú ăn thịt xé thịt và nuốt, thú ăn thực vật nhai, nghiền nát thức ăn, một số loài nhai lại thức ăn.

II. Thú ăn thịt tiêu hóa chủ yếu ở dạ dày nhờ enzym pepsin, thú ăn thực vật tiêu hóa chủ yếu ở ruột non nhờ enzym xenlulaza.

III. Thú ăn thực vật nhai kỹ hoặc nhai lại thức ăn, vi sinh vật cộng sinh trong dạ cỏ và manh tràng tham gia vào tiêu hóa thức ăn.

IV. Thú ăn thịt manh tràng không có chức năng tiêu hóa thức ăn.

A. II, IV. B. II, III, IV. C. I, III D. I, II, IV.

**Câu 17.** Sự tiêu hóa thức ăn ở dạ múi khế diễn ra như thế nào?

A. Hấp thụ bớt nước trong thức ăn.

B. Thức ăn được trộn với nước bọt và được vi sinh vật cộng sinh phá vỡ thành tế bào và tiết ra enzym tiêu hóa xenlulôzơ.

C. Tiết pepsin và HCl để tiêu hóa protein có ở vi sinh vật và cỏ.

D. Thức ăn được ợ lên miệng để nhai kỹ lại.

**Câu 18.** Thức ăn xenlulôzơ lưu lại trong dạ cỏ đã tạo điều kiện cho hệ vi sinh vật phát triển mạnh. Đây là quá trình biến đổi

A. cơ học. B. hoá học. C. sinh học. D. cơ học, hoá học, sinh học

**Câu 19.** Chất dinh dưỡng được hấp thụ vào tế bào lông ruột của ruột non bằng cơ chế nào?

A. Khuếch tán thụ động và vận tải tích cực

B. Nước và khoáng theo hình thức khuếch tán, còn chất hữu cơ theo con đường vận chuyển chủ động tích cực

C. Khuếch tán chủ động và vận chuyển thụ động

D. Chủ yếu là hình thức khuếch tán

**Câu 20.** Sự khác nhau cơ bản về cấu tạo ống tiêu hóa thức ăn của thú ăn thịt và ăn thực vật là

A. Răng cửa, răng nanh, dạ dày. B. Răng, dạ dày, ruột non.

C. Răng, khớp hàm, dạ dày 4 túi, chiều dài ruột, ruột tịt. D. Miệng, dạ dày, ruột.

**II. Chủ đề: Tuần hoàn**

**Câu 21.** Trật tự đúng về đường đi của máu trong hệ tuần hoàn hở là

A. Tim → Động mạch → khoang cơ thể → trao đổi chất với tế bào → hỗn hợp máu - dịch mô →

tĩnh mạch→ tim

B. Tim→ động mạch→ trao đổi chất với tế bào→ hỗn hợp máu→ dịch mô→ khoang cơ thể→ tĩnh mạch→ tim

C. Tim→ động mạch→ hỗn hợp máu - dịch mô→ khoang cơ thể → trao đổi chất với tế bào→ tĩnh mạch→ tim

D. Tim→ động mạch→ khoang cơ thể→ hỗn hợp máu - dịch mô→ trao đổi chất với tế bào → tĩnh mạch→ tim

**Câu 22.** Trong hệ tuần hoàn mở, máu chảy trong động mạch dưới áp lực

A. Cao, Tốc độ máu chảy nhanh

B. Thấp, tốc độ máu chảy chậm

C. Thấp, tốc độ máu chảy nhanh

D. Cao, tốc độ máu chảy chậm

**Câu 23.** Trật tự đúng về đường đi của máu trong hệ tuần hoàn kín là

A. Tim → Động mạch→ tĩnh mạch→ mao mạch→ tim

B. Tim → động mạch→ mao mạch→ tĩnh mạch→ tim

C. Tim → mao mạch→ động mạch→ tĩnh mạch→ tim

D. Tim → động mạch→ mao mạch→ động mạch→ tim

**Câu 24.** Ở sâu bọ, hệ tuần hoàn hở thực hiện chức năng

A. Vận chuyển chất dinh dưỡng

B. Vận chuyển các sản phẩm bài tiết

C. tham gia quá trình vận chuyển khí trong hô hấp

D. vận chuyển chất dinh dưỡng và các sản phẩm bài tiết

**Câu 25.** Ở hô hấp trong, sự vận chuyển O<sub>2</sub> và CO<sub>2</sub> diễn ra như thế nào?

A. Sự vận chuyển O<sub>2</sub> từ cơ quan hô hấp đến tế bào và CO<sub>2</sub> từ tế bào tới cơ quan hô hấp được thực hiện chỉ nhờ dịch mô

B. Sự vận chuyển CO<sub>2</sub> từ cơ quan hô hấp đến tế bào và O<sub>2</sub> từ tế bào tới cơ quan hô hấp được thực hiện nhờ máu và dịch mô

C. Sự vận chuyển O<sub>2</sub> từ cơ quan hô hấp đến tế bào và CO<sub>2</sub> từ tế bào tới cơ quan hô hấp ( mang hoặc phổi) được thực hiện nhờ máu và dịch mô

D. Sự vận chuyển O<sub>2</sub> từ cơ quan hô hấp đến tế bào và CO<sub>2</sub> từ tế bào tới cơ quan hô hấp việc thực hiện chỉ nhờ máu

**Câu 26.** Máu trao đổi chất với tế bào qua thành

A. tĩnh mạch và mao mạch

B. mao mạch

C. động mạch và mao mạch

D. động mạch và tĩnh mạch

**Câu 27.** trong các loài sau đây:

(1) tôm (2) cá (3) ốc sên

(4)ếch (5) trai (6) bạch tuộc (7) giun đốt

Hệ tuần hoàn hở có ở những động vật nào?

- A. (1), (3) và (5)      B. (1), (2) và (3)  
C. (2), (5) và (6)      D. (3), (5) và (6)

**Câu 28.** Nồng độ CO<sub>2</sub> thở ra cao hơn so với hít vào vì một lượng CO<sub>2</sub>

- A. khuếch tán từ mao mạch phổi vào phế nang trước khi đi ra khỏi phổi  
B. được đôn về phổi từ các cơ quan khác trong cơ thể  
C. còn lưu giữ trong phế nang  
D. thải ra trong hô hấp tế bào của phổi

**Câu 29.** Hệ tuần hoàn của đa số động vật thân mềm và chân khớp được gọi là hệ tuần hoàn hở vì

- A. giữa mạch đi từ tim ( động mạch) và các mạch đến tim ( tĩnh mạch) không có mạch nối  
B. tốc độ máu chảy chậm  
C. máu chảy trong động mạch dưới áp lực lớn  
D. còn tạo hỗn hợp máu - dịch mô

**Câu 30.** Trong hệ tuần hoàn kín, máu chảy trong động mạch dưới áp lực

- A. Cao, tốc độ máu chảy chậm  
B. Thấp, tốc độ máu chảy chậm  
C. Thấp, tốc độ máu chảy nhanh  
D. Cao hoặc trung bình, tốc độ máu chảy nhanh

**Câu 31.** Ở người già, khi huyết áp cao dễ bị xuất huyết não vì

- A. Mạch bị xơ cứng, máu bị ứ đọng, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch  
B. Mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch  
C. Mạch bị xơ cứng nên không co bóp được, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch  
D. Thành mạch dày lên, tính đàn hồi kém, đặc biệt là các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch

**Câu 32.** Ở mao mạch, máu chảy chậm hơn ở động mạch vì

- A. Tổng tiết diện của mao mạch lớn.      B. Mao mạch thường ở gần tim  
C. Số lượng mao mạch ít hơn                      D. Áp lực co bóp của tim tăng

**Câu 33.** Trong hệ mạch, máu vận chuyển nhờ

- A. Dòng máu chảy liên tục                      B. Sự va đẩy của các tế bào máu  
C. Co bóp của mao mạch                          D. Lực co của tim

**Câu 34.** Huyết áp thay đổi do những yếu tố nào dưới đây?

1. Lực co tim                      2. Nhịp tim                      3. Độ quánh của máu  
4. Khối lượng máu      5. Số lượng hồng cầu      6. Sự đàn hồi của mạch máu

Phương án trả lời đúng là:

- A. (1), (2), (3), (4) và (5).      B. (1), (2), (3), (4) và (6)  
C. (2), (3), (4), (5) và (6)      D. (1), (2), (3), (5) và (6)

**Câu 35.** Trong hệ mạch, huyết áp giảm dần từ

- A. Động mạch → tĩnh mạch → mao mạch
- B. Tĩnh mạch → tiểu tĩnh mạch → mao mạch → tiểu động mạch → động mạch
- C. Động mạch → tiểu tĩnh mạch → mao mạch → tiểu động mạch → tĩnh mạch
- D. Mao mạch → tiểu động mạch → động mạch → tĩnh mạch → tiểu tĩnh mạch

**Câu 36.** Ở người trưởng thành, nhịp tim thường vào khoảng

- A. 95 lần/phút      B. 85 lần/phút
- C. 75 lần/phút      D. 65 lần/phút

**Câu 37.** Điều không đúng khi nói về đặc tính của huyết áp là

- A. Huyết áp cực đại ứng với lúc tim co, huyết áp cực tiểu ứng với lúc tim giãn
- B. Tim đập nhanh và mạch làm tăng huyết áp ; tim đập chậm, yếu làm huyết áp hạ
- C. Càng xa tim, huyết áp càng giảm
- D. Sự tăng dần huyết áp là do sự ma sát của máu với thành mạch và giữa các phần tử máu với nhau khi vận chuyển